

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 42/2023/HS-PT

Ngày: 13/4/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn**

*Các Thẩm phán:* Ông **Trần Anh Khoa**

Bà **Võ Thị Trâm**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Cao Thanh Tâm** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:**

Bà **Lê Ánh Dương** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 06/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo các bị cáo **Lê Hồng T**, **Ngô Văn T1** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 350/2022/HS-ST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**- Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Lê Hồng T**, sinh ngày 28/12/2000 tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh T2 (1977) và bà Đặng Thị H (1981); Có chồng là Nguyễn Hữu L (2001); Tiền sự, tiền án: không; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Họ và tên: **Ngô Văn T1**, sinh năm 1970 tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô L1 (chết) và bà Phạm Thị T3 (chết); Có vợ là Nguyễn Thị T4 (1970) và có hai con, lớn nhất sinh năm 1990,

nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền sự, tiền án: không; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn T1:** Luật sư Đặng Văn P – Văn phòng luật sư Đặng Văn P - Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K; Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyễn Lê Hồng N và Lê Hồng T cùng ở chung phòng trọ tại thôn X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ngày 07/11/2020, T điều khiển xe máy hiệu Honda Vario, biển kiểm soát 79H1-910.22 (xe do N làm chủ sở hữu) chở N đi làm rồi sau đó đưa xe về lại phòng trọ cất giữ. Trên đường đi về phòng trọ, T nảy sinh ý định đem xe máy trên đi cầm thế lấy tiền tiêu xài cá nhân. T mang xe máy trên đến tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D cầm thế cho Nguyễn Hữu V với giá 20.000.000đ. Đến ngày 10/12/2020, thông qua V, T và Ngô Văn T1 làm hợp đồng công chứng việc mua bán xe máy trên tại Văn phòng C1. Sau đó, T1 bán xe máy trên cho Trần Văn T5 với giá 32.000.000đ. Sau khi đi làm về, N không thấy xe nên gọi điện thoại hỏi T thì T nói “do gia đình có việc nên chạy xe về nhà ở C”. Sau nhiều lần N hỏi để lấy lại xe nhưng T đưa ra nhiều thông tin không đúng sự thật và không trả xe cho N, đến ngày 27/12/2020, N đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Tại cơ quan Công an, Lê Hồng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Làm việc tại cơ quan Công an, Ngô Văn T1 thừa nhận việc được sự giới thiệu của Nguyễn Hữu V, T1 có mua 01 xe máy hiệu Honda Vario, biển kiểm soát 79H1-910.22 của T với giá 30.000.000đ và bán xe lại cho Trần Văn T5 với giá 32.000.000đ. Tuy nhiên, khi biết tin xe máy trên là tài sản do phạm tội mà có nên T5 đã trả lại xe máy cho T1 và nhận lại số tiền 32.000.000đ. T1 nhận lại xe máy trên nhưng không giao nộp cho cơ quan Công an mà đến ngày 24/02/2021 đem xe máy trên cầm thế tại tiệm C2 ở huyện C với giá 30.000.000đ. Do đến hạn thanh lý hợp đồng nên tiệm cầm đồ V đã bán xe máy trên. Qua xác minh, hiện xe máy trên do Nguyễn Như P1 đứng tên chủ sở hữu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 28/01/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự - UBND thành phố N xác định: 01 xe máy hiệu Honda Vario, biển kiểm soát 79H1-910.22 có giá trị 38.000.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 287 ngày 30/7/2021 của Phòng K - Công an tỉnh K kết luận: V1 tay trên hợp đồng mua bán xe máy tên Nguyễn Lê Hồng N và vân tay trên tờ khai chứng minh nhân dân tên Lê Hồng T là của cùng một người.

Tại bản kết luận giám định số 344 ngày 30/9/2021 của Phòng K - Công an tỉnh K kết luận: Chữ viết trên hợp đồng cầm cố tài sản ghi dưới mục “người cầm cố tài sản” ghi họ tên “Nguyễn Hữu V” và chữ ký họ tên “Nguyễn Hữu V” dưới mục “người khai” của biên bản ghi lời khai là cùng một người viết ra.

Bản Cáo trạng số 145/CT-VKSNT ngày 23/5/2022, VKSND thành phố Nha Trang truy tố Lê Hồng T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự; truy tố Ngô Văn T1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 350/2022/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa quyết định: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, n, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Hồng T. Xử phạt: bị cáo Lê Hồng T 09 (chín) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Văn T1. Xử phạt: bị cáo Ngô Văn T1 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 07/12/2022, bị cáo Ngô Văn T1 có đơn kháng cáo được chấp hành bằng một hình phạt phù hợp (Xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo).

Ngày 15/12/2022, bị cáo Lê Hồng T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ngô Văn T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hồng T, Ngô Văn T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn T1 trình bày: Đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hoàn cảnh của bị cáo. Bị cáo từ nhỏ đã sinh ra trong gia đình khó khăn, không được học hành đến nơi. Hiện tại bị cáo là lao động duy nhất vì vợ bị cáo bị bệnh, con bị cáo đang học lớp 12. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

Điều 54, Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và có điều kiện chăm lo cho gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của bị cáo T không gây cản trở đối với việc xét xử, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo Lê Hồng T.

**[2] Về nội dung:** Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ngô Văn T1 khai nhận toàn bộ hành vi bị cáo thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ đã được các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm thu thập. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Hồng T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

### **[3] Xét nội dung kháng cáo:**

**3.1. Xét kháng cáo của bị cáo Lê Hồng T:** Sau khi mượn xe mô tô BKS 79H1 – 910.22 có giá trị 38.000.000 đồng của chị Nguyễn Lê Hồng N sử dụng, chưa có sự đồng ý của chị N nhưng bị cáo T vẫn mang xe đi cầm thế, sau khi hết thời hạn cầm thế bị cáo T đã lập hợp đồng bán xe mô tô trên với giá 30.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là đã tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, quá trình tranh tụng tại cấp phúc thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hồng T.

**3.2. Xét kháng cáo của bị cáo Ngô Văn T1:** Mặc dù biết xe mô tô BKS

79H1 - 910.22 là do Lê Hồng T phạm tội mà có nhưng sau khi mua, bán bị cáo vẫn đem đi cầm thế tại tiệm cầm đồ để lấy 30.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có đơn xác nhận là lao động duy nhất trong gia đình. Tuy nhiên, X thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo đã tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn T1.

**[4]** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**[5]** Về án phí: Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hồng T, Ngô Văn T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Hồng T.

Xử phạt bị cáo **Lê Hồng T 09 (C) tháng** tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Ngô Văn T1.

Xử phạt bị cáo **Ngô Văn T1 06 (S) tháng** tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

**2. Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Hồng T, Ngô Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT1 -TAND Tối cao
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa.
- TAND TP . Nha Trang;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Công an TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Tuấn**